

---

# ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỐN XÃ HỘI TRONG CÁC HỢP TÁC XÃ TRỒNG TRỌT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2015-2022

**Nguyễn Trung Đông**

*Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn  
Email: Trungdong.cmard2@gmail.com*

**Lê Hữu Quang**

*Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn  
Email: lequang@prd.edu.vn*

**Khúc Hoàng Giang**

*Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn  
Email: hoanggiang@prd.edu.vn*

**Lưu Nguyễn Trung**

*Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn  
Email: nguyentrung@prd.edu.vn*

Mã bài: JED-1940

Ngày nhận bài: 27/07/2024

Ngày nhận bài sửa: 09/08/2024

Ngày duyệt đăng: 17/08/2024

DOI: 10.33301/JED.VI.1940

## **Tóm tắt**

Vốn xã hội đóng vai trò quan trọng với hoạt động của hợp tác xã. Nhận diện thực trạng vốn xã hội của hợp tác xã để khai thác, sử dụng vốn xã hội vào các hoạt động sản xuất kinh doanh là rất cần thiết. Dữ liệu được thu thập từ điều tra, phỏng vấn tại 31 hợp tác xã, các cơ quan quản lý ở địa phương. Phỏng vấn hộ thành viên và phỏng vấn chuyên sâu lãnh đạo hợp tác xã nhằm đo lường các tiêu chí vốn xã hội của hợp tác xã. Kết quả: Mạng lưới, mối quan hệ ở mức bình thường, 80% thành viên chỉ tiếp xúc, gặp gỡ với vài thành viên; 50% tin tưởng vào mức độ khả thi của mục tiêu và lợi ích của hợp tác xã. Mức độ tuân thủ các giá trị, nguyên tắc của hợp tác xã ở mức bình thường. Có 65% thành viên tham gia vào tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã. Khuyến nghị có giải pháp khai thác, sử dụng vốn xã hội phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã.

**Từ khóa:** Hợp tác xã trồng trọt, khai thác vốn xã hội, thành viên hợp tác xã, vốn xã hội.

**Mã JEL:** J24, J27, J54, Q13

## **An Assessment of Social Capital in Agricultural Cooperatives in the Mekong Delta from 2015 to 2022**

### **Abstract**

Social capital plays a crucial role in the operations of cooperatives. Identifying the current state of social capital within cooperatives to leverage and utilize it in business activities effectively is essential. Data was collected through surveys and interviews conducted at 31 cooperatives and local management agencies. Interviews with member households and in-depth interviews with cooperative leaders were conducted to measure the social capital criteria of the cooperatives. The results indicate that networks and relationships are at an average level, with 80% of members-only interacting or meeting with a few others; 50% trust the feasibility of the cooperative's goals and benefits. The level of adherence to cooperative values and principles is also average. About 65% of members participate in all production and business activities of the cooperative. Implementing solutions to appropriately exploit and utilize social capital to enhance the efficiency of cooperative operations is recommended.

**Keywords:** Agricultural cooperatives, agricultural cooperative member, exploitation of social capital, social capital.

**JEL Codes:** J24, J27, J54, Q13

---

## 1. Giới thiệu

Vốn xã hội, khái niệm đã thu hút sự quan tâm lớn trong các nghiên cứu khoa học xã hội, được coi là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Fukuyama (2001) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của vốn xã hội trong việc hỗ trợ sự phát triển trên toàn cầu. Ông chỉ ra rằng vốn xã hội không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn giúp giảm thiểu các chi phí giao dịch trong các hoạt động kinh tế thông qua việc thúc đẩy sự hợp tác giữa các cá nhân

Trong bối cảnh hợp tác xã (HTX), vốn xã hội được xem như sự kết hợp của các nguồn lực hiện có và tiềm năng, bao gồm kiến thức, kỹ năng, thời gian và động lực lao động của các thành viên. Hơn nữa, vốn xã hội còn bao hàm một mạng lưới các mối quan hệ mà các thành viên HTX xây dựng và duy trì, không chỉ đơn thuần là sự quen biết mà còn thể hiện sự tương tác, tin cậy và lòng trung thành giữa các thành viên. Đây là nền tảng giúp HTX tạo lập và duy trì một môi trường hoạt động hiệu quả, nơi các mối quan hệ có thể phát triển và được hỗ trợ, từ đó tạo ra sự liên kết chặt chẽ và sự hỗ trợ tương hỗ giữa các thành viên để hướng đến mục tiêu chung.

Việc đo lường vốn xã hội trong HTX là một quá trình phức tạp nhưng cần thiết, bởi lẽ vốn xã hội không dễ dàng định lượng. Tuy nhiên, thông qua việc đo lường, các nhà quản lý và các bên liên quan có thể hiểu rõ hơn về mức độ và chất lượng của vốn xã hội, cũng như cách mà nó ảnh hưởng đến hoạt động và thành công của HTX. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các HTX nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), nơi vốn xã hội có thể đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho các thành viên.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2024), “tính đến tháng 6 năm 2024, vùng ĐBSCL có 2.774 HTX nông nghiệp và 21 Liên hiệp HTX nông nghiệp, chiếm 13% tổng số HTX nông nghiệp toàn quốc”. Mặc dù số lượng HTX trồng trọt trong khu vực là rất lớn, nhưng hiệu quả hoạt động của các HTX này vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Các HTX còn gặp nhiều hạn chế về quy mô, vốn, tài sản, trình độ cán bộ, và thiếu hụt nhân lực kỹ thuật.

Vì vậy, nghiên cứu này với tiêu đề “nhận diện thực trạng vốn xã hội trong các HTX ngành trồng trọt ở Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2015-2022”. Bằng việc thu thập số liệu thứ cấp từ các cơ quan địa phương và điều tra khảo sát thành viên HTX, lãnh đạo HTX, từ đó phân tích thực trạng vốn xã hội trong các HTX trồng trọt làm cơ sở đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng vốn xã hội một cách hiệu quả hơn. Kết quả của nghiên cứu góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX trồng trọt tại ĐBSCL, qua đó cải thiện thu nhập và đời sống của các thành viên, thúc đẩy sự phát triển bền vững cho khu vực.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Deng & cộng sự (2021) đã phát hiện sự suy giảm của vốn xã hội trong suốt vòng đời của các HTX trong nông nghiệp. Nghiên cứu của Omerzo & Kristo (2022) về vốn xã hội trong HTX tài chính, tín dụng ở Croatia cho thấy các HTX tài chính, tín dụng là các tổ chức kinh tế thuộc sở hữu của thành viên, hoạt động theo bảy nguyên tắc HTX, mà tất cả các nguyên tắc này đều phụ thuộc vào nguồn vốn xã hội. Từ đó kết luận rằng, Croatia có mức độ thấp của vốn xã hội ở cả phần “cầu nối với các tác nhân bên ngoài” và “liên kết các thành viên bên trong” dẫn tới khu vực HTX và các tổ chức hoạt động theo nguyên tắc “tương hỗ” đều kém phát triển. Akahoshi & Binotto (2016) cho rằng nguồn vốn xã hội có thể được thu nhận thông qua các tương tác xã hội trong và ngoài HTX. Các mối quan hệ tin cậy, hợp tác và các chuẩn mực không chính thức là cơ sở để tích lũy vốn xã hội trong các tổ chức HTX và quyết định sự thành công của HTX. Majee & Hoyt (2010) đưa ra bằng chứng định tính về việc xây dựng lòng tin giữa các thành viên HTX xuất phát từ bốn trụ cột hỗ trợ tăng cường sự tham gia và mạng lưới xã hội trong HTX gồm: (1) Tôn trọng quyền sở hữu chung của HTX; (2) Tạo lập quy trình ra quyết định thật sự dân chủ trong HTX; (3) Luôn làm việc theo nhóm các thành viên; và (4) Xây dựng thói quen và cách thức giao tiếp cởi mở.

Tjahjono & cộng sự (2022) đã tiến hành nghiên cứu làm rõ cách vận dụng vốn xã hội trong việc phát triển sự tự chủ của các HTX đa mục tiêu tại Indonesia. Các tác giả đã dùng phương pháp nghiên cứu định tính bằng kỹ thuật phỏng vấn sâu, phỏng vấn nhóm tiêu điểm và phân tích tài liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sức mạnh của vốn xã hội của các HTX đa mục tiêu vận hành dựa trên các giá trị cơ bản như sự tự lực, dân chủ, sự tự chịu trách nhiệm, sự công bằng, sự đoàn kết và bình đẳng giữa các thành viên.

Nhìn chung, các nghiên cứu trước đây đã đề cập nhiều đến các vấn đề liên quan đến bản chất, vai trò của HTX cũng như các đặc trưng trong hoạt động của HTX. Cũng có một số nghiên cứu về vốn xã hội trong

---

HTX nhưng vẫn còn tồn tại những khoảng trống trong nghiên cứu về thực trạng vốn xã hội trong HTX cũng như việc HTX khai thác và sử dụng vốn xã hội vào các hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh. Có nhiều nghiên cứu về vốn xã hội trong phát triển nông nghiệp nông thôn nói chung và HTX nói riêng. Các nghiên cứu đều đánh giá rằng, vốn xã hội giúp HTX trên các khía cạnh: tạo việc làm, thu nhập ổn định cho thành viên và người lao động của HTX và tạo ra sự hài lòng đối với HTX cao hơn so người lao động trong các công ty (Valentinov & Iliopoulos, 2021); giúp HTX phục hồi tốt hơn trong khủng hoảng kinh tế, đặc biệt là HTX tín dụng (Henselmann & cộng sự (2016); Bijman & Hanisch (2012) tin rằng vốn xã hội giúp HTX trả giá sản phẩm do thành viên làm ra cao hơn và giá đầu vào các loại vật tư nông nghiệp thấp hơn thị giá trường.

Qua tổng quan các nghiên cứu và dựa vào luận điểm của Valentinov (2004) cho rằng HTX là một tổ chức dựa vào nền tảng vốn xã hội, rõ ràng vốn xã hội đã, đang, sẽ tồn tại và có vai trò nhất định trong quá trình hình thành và phát triển của HTX. Thực tiễn cho thấy, ở Việt Nam đang tồn tại một bộ phận HTX hình thức, không hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả và không tạo ra được lợi ích gì cho các thành viên tham gia, dẫn tới việc các thành viên xa rời HTX, thậm chí quay lưng lại HTX với nhiều bất mãn. Do đó, việc nhận diện thực trạng vốn xã hội trong các HTX nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long có tính cấp bách và sự cần thiết cao, thúc đẩy các HTX trong nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSCL nhận biết tầm quan trọng của nguồn vốn này đối với các hoạt động dịch vụ, sản xuất và kinh doanh của HTX, đã và đang tồn tại ngay trong từng HTX, cần được khai thác và sử dụng cùng các nguồn vốn tài chính và vật chất khác giúp HTX có thêm nguồn lực để hoạt động hiệu quả hơn, có sức cạnh tranh cao hơn và tham gia thành công vào công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của nền kinh tế hiện nay.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Thu thập dữ liệu**

Nghiên cứu này áp dụng kết hợp cả phương pháp định lượng và định tính nhằm đảm bảo tính toàn diện và sâu sắc trong phân tích. Dữ liệu được thu thập thông qua các cuộc điều tra và phỏng vấn tại các HTX trồng trọt, với cây trồng chính là lúa, trên địa bàn 6 tỉnh gồm Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Đồng Tháp, An Giang, và Tiền Giang. Nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các Chi Cục Phát triển Nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn của các tỉnh có HTX được nghiên cứu, nhằm cung cấp bối cảnh và nền tảng cho phân tích.

Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua khảo sát 124 hộ thành viên HTX, với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện, giúp đảm bảo đại diện cho các thành viên trong các HTX được nghiên cứu. Bảng câu hỏi khảo sát được thiết kế kỹ lưỡng để đo lường các tiêu chí chính liên quan đến vốn xã hội trong HTX.

Đồng thời, dữ liệu định tính được thu thập qua 31 cuộc phỏng vấn sâu với giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị của các HTX. Phương pháp phỏng vấn sâu cho phép nghiên cứu khai thác những quan điểm, kinh nghiệm và đánh giá chi tiết từ các nhà lãnh đạo HTX, cung cấp những thông tin phong phú và sâu sắc về vốn xã hội trong bối cảnh hoạt động của các HTX.

Các tiêu chí đo lường vốn xã hội trong HTX được xác định rõ ràng, bao gồm:

- *Tiêu chí về mạng lưới và mối quan hệ:* Đánh giá mức độ giao lưu, tiếp xúc giữa các thành viên HTX; mức độ tương tác, hợp tác; và mức độ gắn bó, đoàn kết giữa các thành viên.
- *Tiêu chí về sự tin tưởng và niềm tin:* Đánh giá mức độ tin tưởng vào mục tiêu và lợi ích của HTX; mức độ tin tưởng vào khả năng điều hành của HTX; và sự trung thực, minh bạch của các thành viên.
- *Tiêu chí về các chuẩn mực:* Đánh giá mức độ tuân thủ các chuẩn mực về hành vi và tổ chức của các thành viên HTX.
- *Tiêu chí về sự tham gia và cam kết:* Đánh giá mức độ tham gia quản lý, tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của các thành viên HTX.

Việc kết hợp các phương pháp nghiên cứu này giúp đảm bảo rằng các kết luận được đưa ra dựa trên dữ liệu đáng tin cậy và đa chiều, phản ánh đúng thực trạng và tiềm năng của vốn xã hội trong các HTX trồng trọt tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

#### **3.2. Xử lý dữ liệu**

Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý thô, loại bỏ các số lạc, tổng hợp số liệu bằng phần mềm excel và sử dụng phần mềm SPSS 23.0 để thống kê mô tả, phân tích dữ liệu thu thập được đối với dữ liệu định lượng. Đối với dữ liệu định tính, nhóm tác giả tiến hành gỡ băng và tập hợp thành bộ dữ liệu, sau đó trích dẫn từ

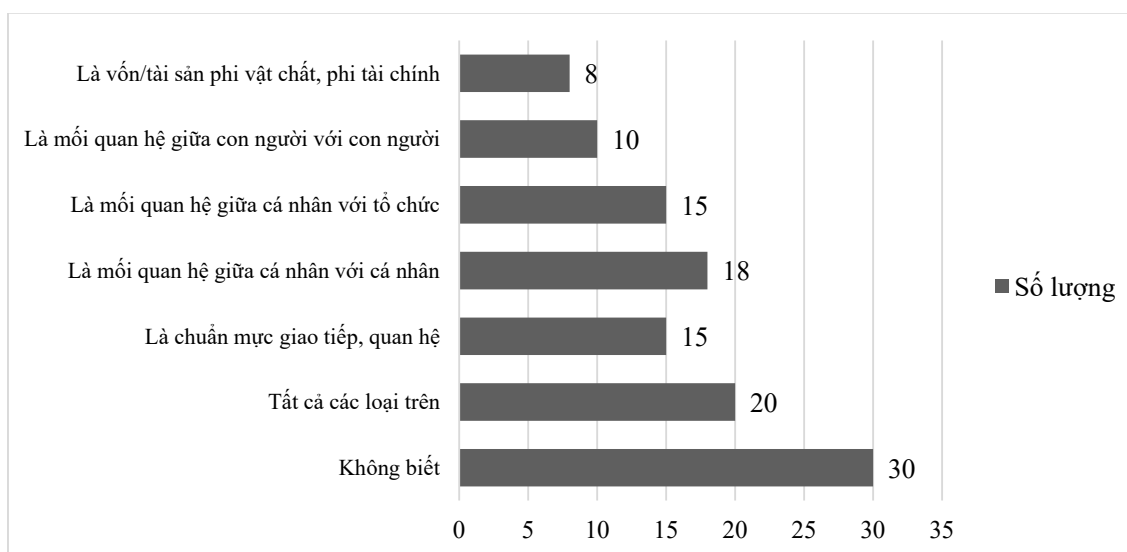
các biên bản gỡ băng để dẫn giải, so sánh, phân tích.

#### 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

##### 4.1. Mức độ hiểu biết về vốn xã hội

Kết quả điều tra cho thấy, mặc dù đã có những hiểu biết nhất định, nhưng phần lớn thành viên chưa thực sự nhận thức được hết giá trị của vốn xã hội. Thậm chí có đến 30/124 thành viên được khảo sát không biết về vốn xã hội. Trung bình chỉ có từ 10 – 20% thành viên nhận biết được một vài giá trị riêng lẻ của vốn xã hội. Chỉ có 20/124 thành viên được hỏi nhận thức được trọn vẹn các đáp án về giá trị của vốn xã hội. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực từ HTX và sự hỗ trợ từ các cấp chính quyền để nâng cao nhận thức và khả năng khai thác, sử dụng vốn xã hội vào thực tiễn. Khi các thành viên hiểu được vốn xã hội và vai trò của vốn xã hội đối với hiệu quả hoạt động của HTX thì sẽ tăng động lực tham gia, đóng góp cho HTX, các thành viên sẽ tích cực hơn trong việc duy trì và phát triển vốn xã hội trong HTX.

**Hình1: Nhận biết về giá trị vốn xã hội của thành viên HTX trồng trọt**



*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.*

##### 4.2. Mạng lưới và mối quan hệ

Kết quả điều tra cho thấy, mức độ giao lưu và tiếp xúc giữa các thành viên trong HTX thể hiện sự tham gia tích cực của các thành viên vào quá trình quản lý và ra quyết định. Cụ thể, 40% số thành viên được khảo sát cho biết họ thường xuyên gặp gỡ và trao đổi với các thành viên trong ban quản trị. Điều này cho thấy sự tham gia tích cực của các thành viên vào quá trình quản lý và ra quyết định của HTX, đồng thời phản ánh mức độ minh bạch và dân chủ trong hoạt động của HTX. Các thành viên có cơ hội trực tiếp trao đổi và góp ý với Ban quản trị, góp phần vào việc đảm bảo sự điều hành hiệu quả và đáp ứng nhu cầu của cộng đồng thành viên.

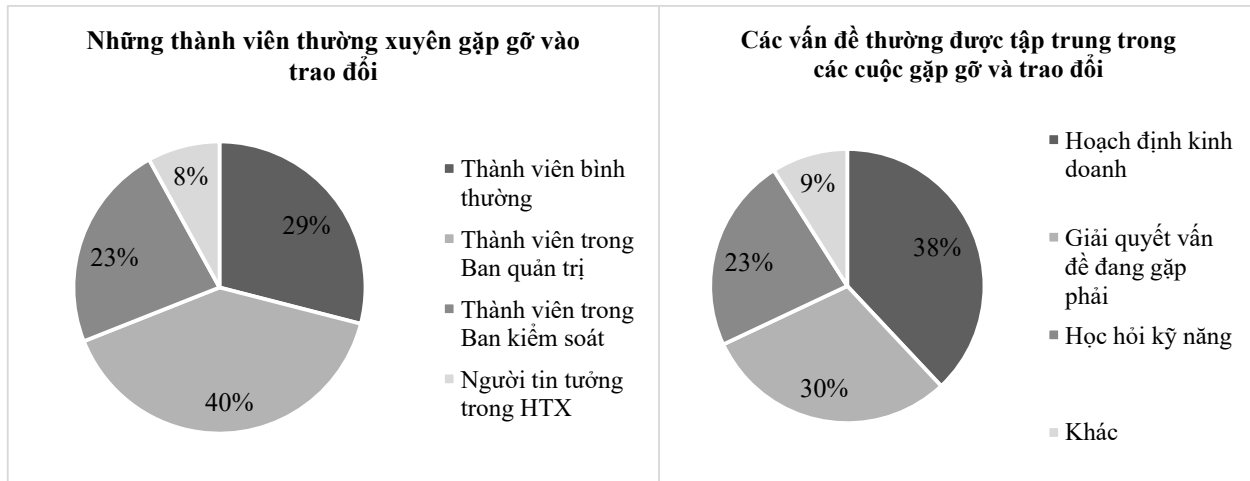
Bên cạnh đó, 29% số thành viên báo cáo rằng họ thường xuyên gặp gỡ và trao đổi với các thành viên bình thường khác trong HTX. Điều này cho thấy sự gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động. Sự hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm giữa các thành viên không chỉ góp phần vào sự phát triển cá nhân mà còn đóng góp vào sự phát triển chung của HTX.

Ngoài ra, 23% số thành viên cho biết họ có tiếp xúc thường xuyên với Ban kiểm soát, nhóm chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động của HTX. Việc này đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các hoạt động của HTX, giúp các thành viên nắm bắt được các vấn đề cần giám sát và nhận được phản hồi kịp thời từ Ban kiểm soát.

Cuối cùng, chỉ 8% thành viên được khảo sát cho biết họ thường xuyên gặp gỡ và trao đổi với những người mà họ tin tưởng trong HTX. Mặc dù tỷ lệ này thấp, nó cho thấy sự tồn tại của các mối quan hệ cá nhân đáng tin cậy trong HTX. Tuy nhiên, mạng lưới quan hệ này vẫn còn hạn chế và cần được phát triển thêm để tăng cường sự gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên.

Những kết quả này cung cấp cái nhìn sâu sắc về mức độ giao lưu và tương tác giữa các thành viên HTX, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường các mối quan hệ này để đảm bảo hoạt động hiệu quả và bền vững của HTX. Trong các yếu tố cấu thành vốn xã hội, mỗi quan hệ là yếu tố then chốt hàng đầu, từ các mối quan hệ bên trong và bên ngoài HTX là cơ sở hình thành và phát triển vốn xã hội, do vậy việc duy trì và phát triển các mối quan hệ là tối cần thiết đối với thành viên cũng như HTX.

**Hình 2: Đối tượng và nội dung các cuộc gặp gỡ giữa các thành viên trong HTX**



*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.*

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng các cuộc gặp gỡ giữa các thành viên HTX chủ yếu tập trung vào các hoạt động hoạch định kinh doanh (38%) và giải quyết các vấn đề đang gặp phải (30%). Điều này cho thấy các cuộc gặp gỡ giữa các thành viên chủ yếu phục vụ cho các mục tiêu công việc và hoạt động kinh doanh của HTX, phản ánh một môi trường làm việc định hướng hiệu quả và có tính thực tiễn cao.

Về khả năng nhận diện thành viên, chỉ có 37% số thành viên có thể nhận diện được trên 20 người khác trong HTX, trong khi 63% thành viên chỉ nhận diện được dưới 20 người. Tỷ lệ nhận diện thành viên thấp này là một dấu hiệu cho thấy HTX chưa thực hiện tốt các hoạt động giao lưu và kết nối giữa các thành viên. Việc thiếu kết nối có thể làm suy giảm sự gắn kết và ảnh hưởng tiêu cực đến vốn xã hội của HTX, do đó cần có những biện pháp cải thiện.

Một khía cạnh quan trọng khác là số lượng các hoạt động hợp tác giữa các thành viên. Các hoạt động hợp tác không chỉ đóng góp vào việc nâng cao chất lượng lao động và tăng thu nhập cho các thành viên mà còn là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển vốn xã hội của HTX. Kết quả khảo sát cho thấy 74% số thành viên tham gia trên 2 hoạt động hợp tác, điều này phản ánh tinh thần hợp tác mạnh mẽ và sự chủ động trong việc tìm kiếm cơ hội hợp tác, không chỉ từ phía HTX mà còn từ từng thành viên. Đây là một chỉ số tích cực, thể hiện sự gắn kết và khả năng phát triển bền vững của HTX.

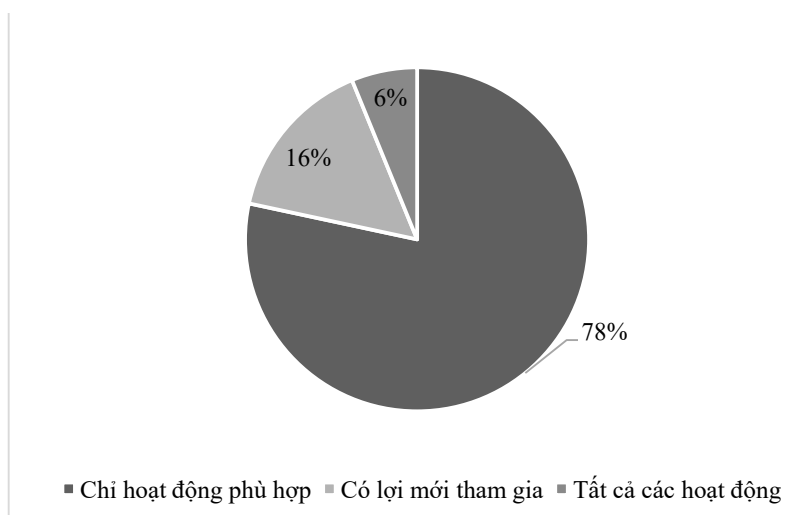
Tuy nhiên, vẫn còn 26% thành viên tham gia dưới 2 hoạt động hợp tác, hoặc thậm chí không tham gia vào bất kỳ hoạt động hợp tác nào. Sự chênh lệch này cho thấy rằng, mặc dù đa số thành viên có xu hướng tích cực trong việc hợp tác, nhưng vẫn cần có những biện pháp khuyến khích và hỗ trợ những thành viên ít tham gia hơn. Việc tăng cường sự tham gia của tất cả các thành viên không chỉ giúp nâng cao vốn xã hội mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của HTX.

### 4.3. Sự tin tưởng, niềm tin

Kết quả điều tra cho thấy hơn 55% thành viên HTX tin tưởng vào mục tiêu và lợi ích của HTX, phản ánh sự tin tưởng mạnh mẽ từ phần lớn các thành viên. Sự lạc quan này không chỉ là một dấu hiệu tích cực về niềm tin mà còn là nguồn động lực quan trọng cho ban quản lý HTX, khuyến khích họ tiếp tục theo đuổi và hiện thực hóa các kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, có 42% thành viên vẫn còn do dự, chưa chắc chắn về tính khả thi của các mục tiêu mà HTX đặt ra. Điều này có thể phản ánh nhu cầu cấp thiết về việc tăng cường thông tin, nâng cao minh bạch trong quá trình hoạch định và triển khai các hoạt động của HTX. Việc này có thể giúp các thành viên hiểu rõ hơn về các mục tiêu, từ đó củng cố niềm tin và sự ủng hộ của họ.

Một tỷ lệ rất nhỏ các thành viên bày tỏ sự không tin tưởng vào khả năng đạt được mục tiêu của HTX.

**Hình 3: Tần suất tham gia các hoạt động hợp tác giữa các thành viên**

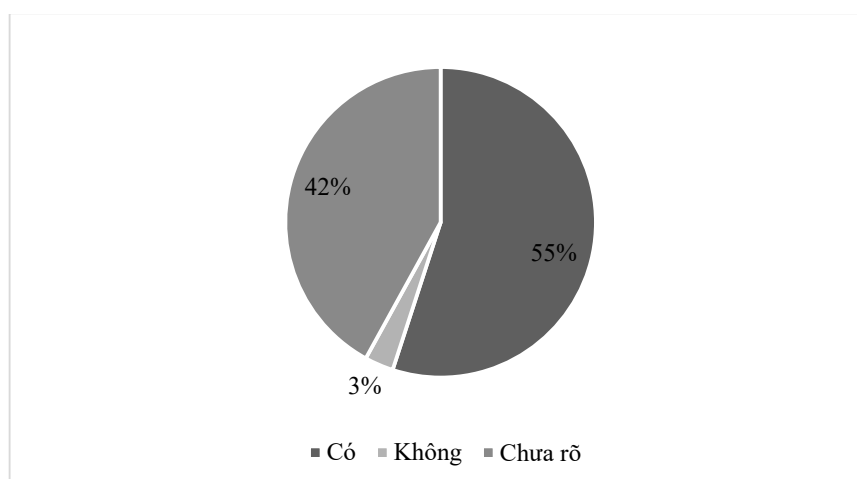


*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.*

Nguyên nhân có thể xuất phát từ những trải nghiệm tiêu cực trong quá khứ hoặc do thiếu thông tin và hiểu biết về những nỗ lực mà HTX đang thực hiện. Đây là một khía cạnh cần được HTX lưu ý để cải thiện bằng cách cung cấp thông tin đầy đủ và minh bạch hơn.

Ngoài ra, kết quả điều tra cũng cho thấy 65% thành viên cảm thấy mục tiêu và lợi ích của HTX phù hợp với bản thân họ, cho thấy có sự đồng thuận cao về giá trị mà HTX mang lại. Tuy nhiên, 34% thành viên vẫn chưa rõ về mục tiêu và lợi ích của HTX, điều này là một dấu hiệu cảnh báo cho các HTX trồng trọt ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Các HTX cần cải thiện việc truyền đạt thông tin và thực hiện các chương trình cụ thể để đáp ứng nhu cầu và kỳ vọng của các thành viên. Một số ít thành viên cảm thấy mục tiêu và lợi ích của HTX không phù hợp với họ, điều này có thể phản ánh sự thiếu thông tin hoặc sự không chắc chắn về vai trò và lợi ích mà HTX mang lại. Đây cũng là một lĩnh vực cần được chú trọng để đảm bảo rằng mọi thành viên đều hiểu rõ và có thể gắn kết với mục tiêu chung của HTX.

**Hình 4: Đánh giá mức độ khả thi của mục tiêu và lợi ích của HTX**



*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.*

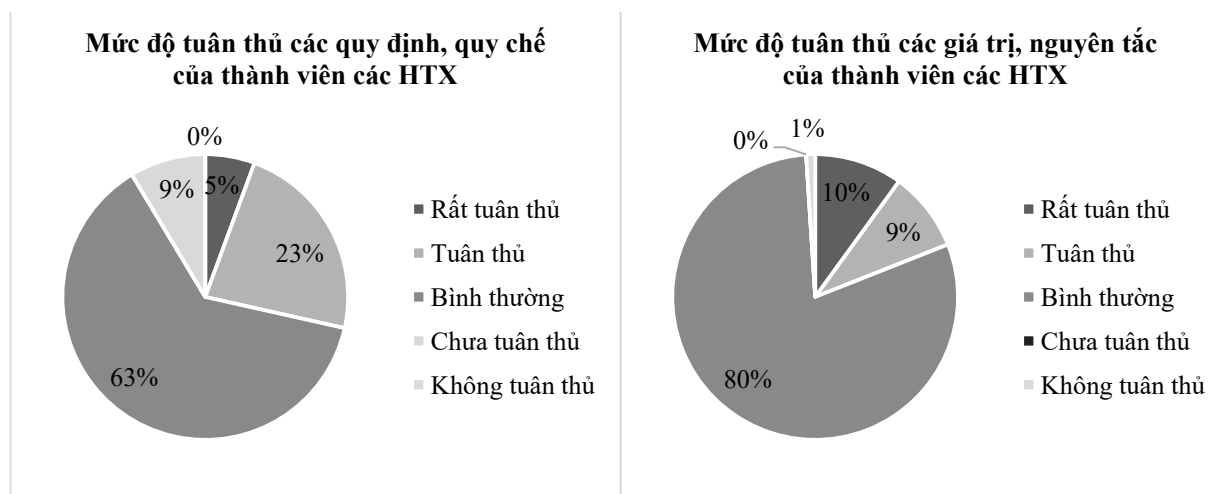
Mức độ sẵn sàng hợp tác, chia sẻ thông tin, kiến thức, nguồn lực giữa các thành viên: Mức độ sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, kiến thức, nguồn lực giữa các thành viên trong một HTX có ảnh hưởng rất lớn đến việc xây dựng và phát triển vốn xã hội. Kết quả ghi nhận qua điều tra khảo sát cho thấy: Có 73% thành viên được hỏi “Rất sẵn sàng”, đây là tỷ lệ lớn nhất, cho thấy đa số thành viên HTX rất tích cực trong việc hợp tác và chia sẻ. Có 24% thành viên “Sẵn sàng”, phản ánh một tỷ lệ đáng kể các thành viên cũng có thái độ hợp tác tốt. Chỉ có 3% thành viên có mức độ sẵn sàng hợp tác ở mức trung bình. Việc các HTX còn tồn tại một tỷ lệ nhỏ có mức độ sẵn sàng hợp tác, chia sẻ đặt ra cho các HTX trồng trọt yêu cầu tăng cường hơn

nữa công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của thành viên, củng cố hoạt động để tạo niềm tin vững chắc cho thành viên tin tưởng hơn, sẵn sàng hơn trong việc hợp tác, chia sẻ thông tin, kiến thức với HTX.

#### 4.4. Các chuẩn mực

Mức độ tuân thủ các quy định, quy chế của HTX ở mức bình thường chiếm tỷ lệ rất cao 62,9%, điều này cho thấy các thành viên tham gia HTX chỉ đáp ứng vừa đủ các điều kiện trong quy chế, quy định chứ chưa thật sự mang tinh thần trách nhiệm, tự giác cao hoặc cũng có thể do các quy chế, quy định của HTX còn chưa có tính khả thi hoặc chưa được sự đồng thuận từ các thành viên.

**Hình 5: Đánh giá mức độ tuân thủ các quy định, quy chế, các giá trị, nguyên tắc của HTX**



Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

Qua quá trình khảo sát, tỷ lệ thành viên xem việc tuân thủ các giá trị, nguyên tắc của HTX chỉ ở mức bình thường chiếm tới 80%, đây là một tỷ lệ rất cao, điều này thể hiện một phân đông thành viên chưa coi trọng những giá trị cốt lõi, nguyên tắc cơ bản của HTX, có thể do các thành viên chưa được phổ biến các giá trị, nguyên tắc hoặc khả năng truyền đạt của ban quản trị HTX chưa được tốt dẫn tới việc xem nhẹ những giá trị, nguyên tắc cốt lõi của HTX.

Đánh giá mức độ dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động của HTX, kết quả điều tra khảo sát cho thấy: Một tỷ lệ cao các hoạt động của HTX được thực hiện với sự minh bạch và công khai, với 92% hoạt động đạt được tiêu chuẩn này. Điều này phản ánh một nền tảng vững chắc về quản lý và hoạt động của HTX. Mặc dù tỷ lệ không cao, nhưng 8% hoạt động chưa đạt được mức độ minh bạch mong muốn cần được chú trọng để cải thiện, nhằm đảm bảo sự công bằng và rõ ràng trong mọi quyết định và giao dịch.

#### 4.5. Sự tham gia, cam kết

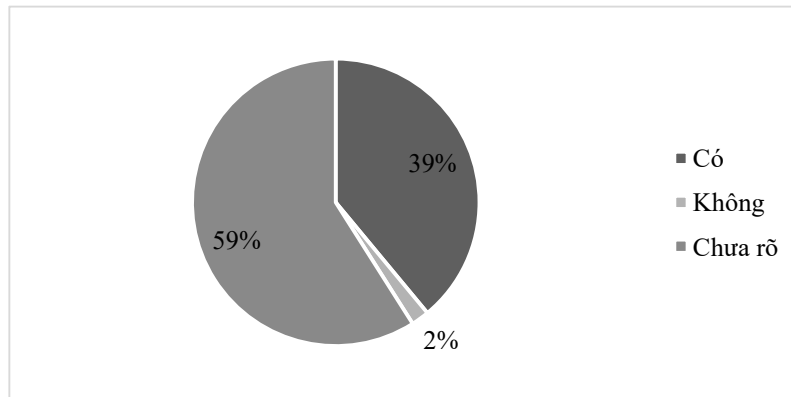
Kết quả điều tra cho thấy 59% các thành viên cảm thấy họ có cơ hội tham gia vào quá trình quản lý của HTX, điều này phản ánh một môi trường làm việc dân chủ với sự tham gia rộng rãi từ các thành viên. Sự tham gia này là một yếu tố quan trọng giúp tăng cường sự gắn kết và đồng thuận trong HTX, đồng thời đảm bảo rằng các quyết định quản lý phản ánh được ý kiến và nguyện vọng của đông đảo thành viên.

Tuy nhiên, có 39% thành viên cho rằng họ không có cơ hội tham gia vào quá trình quản lý. Đây là một tỷ lệ đáng kể và cần được HTX đặc biệt chú ý. Việc một phần lớn thành viên cảm thấy bị loại trừ khỏi quá trình ra quyết định có thể làm suy giảm sự gắn kết, làm giảm hiệu quả hoạt động chung và hạn chế sự đóng góp của họ. HTX cần xem xét lại các quy trình quản lý và tìm cách mở rộng cơ hội tham gia cho tất cả các thành viên, nhằm tạo ra một môi trường làm việc toàn diện và công bằng hơn.

Ngoài ra, có 2% thành viên không chắc chắn về cơ hội tham gia của họ, điều này có thể phản ánh sự thiếu thông tin hoặc sự không rõ ràng trong quy trình quản lý. HTX cần cải thiện việc truyền đạt thông tin và làm rõ các quy trình quản lý để đảm bảo mọi thành viên đều hiểu rõ quyền và trách nhiệm của mình, từ đó khuyến khích họ tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý của HTX.

Đánh giá mức độ tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành viên thông qua việc điều tra, khảo sát từ HTX và thành viên cho thấy: Tỷ lệ tham gia của thành viên trong hoạt động sản xuất của HTX

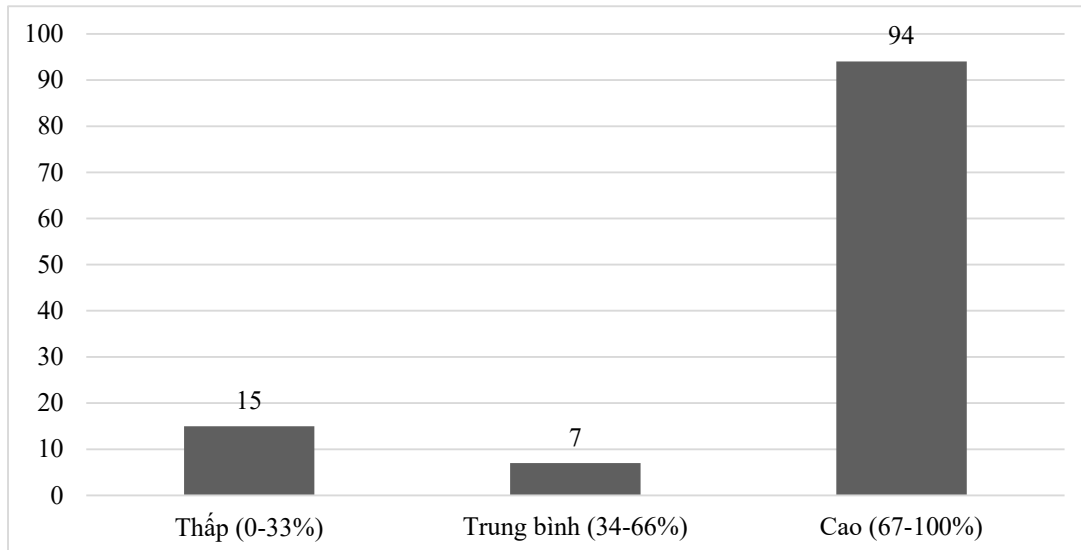
**Hình 6: Cơ hội tham gia vào quá trình quản lý của HTX**



*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.*

là một chỉ số quan trọng phản ánh sự gắn kết và hiệu quả hoạt động của tổ chức. Việc theo dõi và cải thiện chỉ số này sẽ góp phần vào sự phát triển bền vững của HTX. Kết quả điều tra được ghi nhận chia ra 3 nhóm như sau: Tham gia ở mức Thấp (0%-33%), trong các HTX trồng trọt được khảo sát, có 12% thành viên thuộc nhóm này. Tỷ lệ tham gia thấp có thể do nhiều lý do như thiếu nguồn lực, thiếu sự quan tâm từ các thành viên, hoặc các khó khăn nội tại của HTX. Ở mức tham gia Trung bình (34%-66%), chỉ có 5% thành viên thuộc nhóm này. Tỷ lệ tham gia trung bình cho thấy sự tham gia của thành viên chưa đều, có thể cần cải thiện cơ chế quản lý và sự hấp dẫn của các hoạt động sản xuất. Tham gia ở mức Cao (67%-100%), chiếm đa số lên tới 75,8% thành viên thuộc nhóm này. Đây là nhóm có số lượng thành viên cao nhất, cho thấy các HTX này có tỷ lệ tham gia rất cao từ các thành viên. Điều này phản ánh sự gắn kết và cam kết cao của các thành viên đối với hoạt động của HTX.

**Hình 7: Số lượng thành viên HTX theo mức tham gia các hoạt động sản xuất của HTX**



*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.*

Về mức độ tham gia các hoạt động khác của các thành viên qua khảo sát ghi nhận kết quả như sau: Tỷ lệ thành viên không tham gia bất kỳ hoạt động văn hóa, thể thao, xã hội nào của HTX chiếm tới 70%, điều này thể hiện thái độ thờ ơ hững hờ với các hoạt động văn hóa, thể thao, xã hội của HTX. Điều này cũng là một khoảng trống trong việc phát huy mạng lưới quan hệ cũng như tăng cường sự gắn kết, hợp tác giữa các thành viên.

### **5. Kết luận và khuyến nghị**

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra thực trạng vốn xã hội trong các HTX trồng trọt ở Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2015–2022 với những đặc điểm chính sau:

Mạng lưới và mối quan hệ: Mức độ giao lưu và tiếp xúc giữa các thành viên trong HTX chủ yếu tập trung



---

vào Ban quản trị với mục đích hoạch định kinh doanh và giải quyết vấn đề, trong khi đó, việc gặp gỡ và hợp tác giữa các thành viên còn hạn chế. Mạng lưới quan hệ giữa các thành viên trong HTX trông trọt nhìn chung còn đơn giản, chưa chặt chẽ và sâu rộng.

**Sự tin tưởng:** Chỉ có khoảng 50% thành viên tin tưởng vào khả năng thực hiện mục tiêu và lợi ích của HTX, trong khi 45% còn mơ hồ hoặc không tin tưởng. Mặc dù niềm tin chưa cao, phần lớn thành viên vẫn sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, kiến thức, nguồn lực, cho thấy tiềm năng khai thác và củng cố niềm tin trong HTX.

**Chuẩn mực:** Mức độ tuân thủ các giá trị, nguyên tắc, quy định của HTX chỉ ở mức trung bình. Gần 10% thành viên cho rằng chưa có sự tuân thủ đầy đủ, và mức độ minh bạch trong hoạt động của HTX cũng chỉ đạt mức trung bình. Điều này cho thấy cần cải thiện các quy định và tăng cường sự đồng thuận từ các thành viên.

**Sự tham gia và cam kết:** Mặc dù tỷ lệ tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX khá cao (65%), tỷ lệ tham gia vào các hoạt động khác chỉ ở mức 8%. Điều này chỉ ra sự cần thiết phải tạo ra một môi trường hoạt động gắn kết hơn, không chỉ trong sản xuất kinh doanh mà còn trong các hoạt động khác của HTX, nhằm mở rộng và củng cố vốn xã hội.

Những phát hiện này cung cấp cơ sở để xây dựng các giải pháp khắc phục những hạn chế đã được xác định, đồng thời tăng cường khả năng khai thác và sử dụng vốn xã hội nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX trông trọt trong khu vực.

**Khuyến nghị:** trên cơ sở hiện trạng vốn xã hội mà bài báo đã chỉ ra, các HTX làm cơ sở để phát huy những điểm mạnh cũng như khắc phục những điểm còn thiếu sót để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Hạn chế của nghiên cứu này là chưa đánh giá được tương quan giữa thực trạng vốn xã hội trong HTX và mức độ khai thác vốn xã hội do đó cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn.

## Tài liệu tham khảo

- Akahoshi, W. B., & Binotto, E. (2015), 'Cooperatives and social capital: the Copasul case, Mato Grosso do Sul state', *Gestão & Produção*, 23, 104-117, DOI: 10.1590/0104-530X1464-14.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2024), *Báo cáo tóm tắt tình hình phát triển hợp tác xã, liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến tháng 6/2024*, Hà Nội.
- Bijman, J. & Hanisch, M. (2012), *Support for Farmers' Cooperatives; Developing a typology of cooperatives and producer organisations in the EU*, Wageningen UR., Wageningen.
- Deng, W., Hendrikse, G., & Liang, Q. (2021), 'Internal social capital and the life cycle of agricultural cooperatives', *Journal of Evolutionary Economics*, 31(1), 301-323. DOI: 10.1007/s00191-020-00690-8.
- Fukuyama, F. (2001), 'Social Capital Civil Society and Development', *Third World Quarterly*, 22, 167-174. DOI: 10.1080/713701144.
- Henselmann, K., Ditter, D., & Lupp, P. (2016), 'The Effects of the Financial Crisis on Cooperative Banks in Europe – A Critical Comparison' In *Working Papers in Accounting Valuation Auditing No. 2016-1*, Friedrich-Alexander-Universität Erlangen-Nürnberg, Lehrstuhl für Rechnungswesen und Prüfungswesen, DE.
- Majee, W., & Hoyt, A. (2010), 'Are worker-owned cooperatives the brewing pots for social capital?', *Community Dev*, 41, 417-430. DOI: 10.1080/15575330.2010.487755.
- Omerzo, I., & Krišto, J. (2022), 'Financial cooperatives development in Croatia: Social capital perspective', in B. Olgic Draženović, V. Buterin, & S. Suljić Nikolaj (Eds.), *Real and financial sectors in post-pandemic Central and Eastern Europe*, Springer, 87-108. DOI: 10.1007/978-3-030-99850-9\_6.
- Tjahjono, A., Mashud, M., & Suaedi, F. (2022), 'Implementation of social capital for multipurpose cooperative autonomy', *Masyarakat, Kebudayaan dan Politik*, 35, 44-57. DOI: 10.20473/mkp. V35I12022.44 57.
- Valentinov, V., & Iliopoulos, C. (2021), 'Social capital in cooperatives: An evolutionary Luhmannian perspective', *Journal of Evolutionary Economics*, 31(5), 1317-1331. DOI: 10.1007/s00191 021 00744 5.
- Valentinov, V. L. (2004), 'Toward a Social Capital Theory of Cooperative Organisation', *Journal of Cooperative Studies*, 37(3), 5-20.